

Bản án số: 340/2024/HC-PT

Ngày: 24 - 4 - 2024

V/v: “Khiếu kiện quyết định xử phạt  
vi phạm hành chính trong lĩnh vực  
đất đai”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Mai Xuân Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Hồng Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 840/2023/TLPT-HC ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 33/2023/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 259/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Lê Văn D, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang;

**Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:** Ông Trương Minh L (có mặt);

Địa chỉ: Số B ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

**- Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B đường H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

**- Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Lê Văn D.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2022 của ông Lê Văn D có ông Trương Minh L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 23/6/2022, ông Lê Văn D có nhận được thư chuyển phát nhanh với thông tin người gửi là Ủy ban nhân dân thị trấn N, bên trong thư là Quyết định số 1360/QĐ-XPHC ngày 17/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang (Quyết định số 1360). Theo nội dung Quyết định này thì ông D đã thực hiện các hành vi: Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị, tại thửa đất số 225, tờ bản đồ số 07; Chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị tại thửa đất số 226, tờ bản đồ số 07, cả 02 thửa đất tọa lạc tại ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ áp dụng là điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 11; điểm c khoản 3 và khoản 4 Điều 9 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Theo đó, tổng mức tiền phạt là 48.000.000 đồng và biện pháp khắc phục hậu quả là buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu trước khi vi phạm, thời gian thực hiện là 10 ngày.

Ông D không đồng ý với Quyết định số 1360/QĐ-XPHC nêu trên, bởi vì:

- Thứ nhất, về trình tự, thủ tục: Căn cứ để Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ra Quyết định số 1360/QĐ-XPHC đối với ông là Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB- VPHC ngày 17/5/2022 (Biên bản số 02). Tuy nhiên, ông D không hề hay biết gì về việc lập Biên bản số 02 này và đến nay vẫn chưa nhận được.

- Thứ hai, về nội dung: Ông D cho rằng việc áp dụng pháp luật hoàn toàn không phù hợp với hành vi vi phạm của ông. Ông D cho rằng ông chỉ xây chuồng trại để nuôi gà, nuôi ếch. Vì vậy, ông D cho rằng hành vi chuyển đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa sang đất làm trang trại của ông thuộc trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng phải đăng ký biến động theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 5 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ T về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Hiện tại ông vẫn chưa thực hiện thủ tục đăng ký biến động theo quy định. Do đó, ông D cho rằng hành vi của mình chỉ vi 1 hà phạm theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP.

Cho rằng Quyết định số 1360/QĐ-XPHC là không đúng theo quy định pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1360/QĐ-XPHC ngày 17/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

*Theo Bản ghi ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trương Minh L trình bày:*

Theo Quyết định số 1360/QĐ-XPHC thì ông D đã thực hiện hành vi vi phạm xây dựng 09 công trình. Ông L trình bày về quá trình, mục đích sử dụng và hiện trạng hiện nay của các công trình vi phạm như sau:

Các công trình gồm: Công trình 1 (nhà chứa thức ăn, vật tư chăn nuôi và vật tư nông nghiệp); Công trình 03 (hồ nuôi ếch); Công trình 06 (mái che - nơi để công cụ làm vườn); Công trình 07 (hồ nước tưới cây); Công trình 08 (chuồng nuôi gà); Công trình 09 (chuồng nuôi gà) được xây dựng vào khoảng năm 2018 - 2019 dùng để nuôi gà và nuôi ếch, hiện nay, các công trình này đã xuống cấp nặng.

Đối với Công trình 02 là hồ chứa nước dùng phục vụ sinh hoạt hàng ngày của gia đình, hiện nay đã được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

Các công trình gồm: Công trình 04 (hồ nước sạch phục vụ nuôi gà sao); Công trình 05 (chuồng nuôi gà sao). Hai công trình này được xây dựng (kết hợp với việc sửa chữa, mở rộng Công trình 1), ông D đã xây dựng thêm Công trình 04, Công trình 05 để mở rộng quy mô chăn nuôi cùng với việc sửa chữa, mở rộng Công trình 01 để dự trữ nông sản (khoai, trái cây các loại,...) sau thu hoạch, dự trữ thức ăn, vật tư chăn nuôi và vật tư nông nghiệp.

Hiện nay, thửa 225 và thửa 226 trong đó có các công trình nêu trên đã bị Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án cao tốc Cần Thơ - Cà Mau. Dự án hiện nay đã khởi công nên các công trình nêu trên không còn, ông D luôn chấp hành pháp luật về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, không có chống đối hay khiếu nại gì khác.

Ông L trình bày về việc Quyết định số 1360/QĐ-XPHC ban hành là không đúng quy định của pháp luật:

- Thứ nhất, quy định về thủ tục ban hành quyết định:

Vi phạm về giao Biên bản vi phạm hành chính số 02: Mục 11 ghi rõ “Ông Lê Văn D không có mặt tại thửa đất xây dựng công trình vi phạm và đang nằm bệnh viện nên không ký tên vào Biên bản”. Như vậy, trong ngày 17/5/2022 - ngày lập biên bản thì ông D không thể biết và không thể nhận được Biên bản nêu trên nên thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 6 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (Nghị định số 118/2021/NĐ-CP).

Theo quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì “Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm..”. Trong trường hợp này áp dụng quy định gửi trực tiếp và sau đó thực hiện thủ tục niêm yết tại Ủy ban nhân dân thị trấn, như vậy là hoàn toàn không đúng quy định, làm cho ông D không thể thực hiện quyền giải trình của mình, vì mức phạt trong trường hợp này là 48.000.000 đồng nên thuộc trường hợp giải trình được quy định tại khoản 1, 2 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Đúng ra trong trường hợp này phải gửi cho ông D qua đường bưu điện.

Vi phạm về lập và giao Biên bản xác minh: Biên bản xác minh không được lập tại nơi vi phạm và không đến giao trực tiếp cho ông D, vì Biên bản xác minh và Biên bản giao Biên bản xác minh được lập bằng hình thức đánh máy, như vậy là không khách quan, trong khi ông D cũng không có ký tên vào 02 Biên bản này. Biên bản xác minh được lập xong vào hồi 16 giờ 00 phút, việc giao Biên bản xác minh cũng được thực hiện vào hồi 16 giờ 30 phút cùng ngày 17/6/2022. Nhưng Quyết định xử phạt vi phạm hành chính cũng được ban hành ngày 17/6/2022, như vậy là không khách quan, có dấu hiệu lập Biên bản xác minh này là để hợp thức hóa thủ tục và có sự sắp đặt trước. Nội dung Biên bản xác minh, tại phần sơ đồ vị trí các công trình vi phạm thì thể hiện vị trí không đúng với thực tế.

Nội dung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không tuân thủ theo Biên bản xác minh: Theo quy định tại khoản 8 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì “Biên bản vi phạm hành chính phải được lập đúng nội dung, hình thức, thủ tục theo quy định của Luật này và là căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính”. Đối chiếu nội dung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì hoàn toàn khác với Biên bản xác minh, khác nhau về diện tích xây dựng, số lượng công trình, sơ đồ vị trí của các công trình.

Vi phạm tính kịp thời: Đối với công trình 1, 2, 3, 6, 7, 8, 9 được xây dựng từ năm 2018 đến nay (qua hình ảnh hiện trạng thì thấy rằng hiện nay đã xuống cấp nặng, cho thấy đã xây dựng rất lâu), nó tồn tại hiện hữu, được chính quyền địa phương cùng bà con nhân dân trong xóm ấp ai cũng điều biết. Quá trình ông D sử dụng ổn định và lâu dài như vậy mà không có ai đến lập biên bản hay nhắc nhở.

Hết thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 01 tháng kể từ ngày lập Biên bản vi phạm hành chính. Ngày lập Biên bản vi phạm hành chính là ngày 17/5/2022. Căn cứ theo quy định tại các Điều 146, 147, 158 Bộ luật Dân sự thì: “1 tháng có 30 ngày”. Tháng 5/2022 có 31 ngày, như vậy ngày kết thúc thời hạn (01 tháng) là ngày 16/6/2022. Đến ngày 17/6/2022 thì mới ban hành quyết định xử phạt như vậy đã hết thời hạn ban hành.

- Thứ hai, về xác định hành vi vi phạm hành chính, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả không đúng:

Ông L trình bày ông D không có hành vi chuyển đất trồng cây lâu năm và đất lúa sang đất phi nông nghiệp tại 02 thửa đất 225 và 226 như nội dung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Ông D chỉ xây chuồng trại để nuôi gà, nuôi ếch, nuôi ba ba và hiện tại vẫn còn nguyên hiện trạng. Tại Biên bản kiểm đếm ngày 20/5/2022 cũng thể hiện các công trình này là chuồng trại.

Như vậy, tương ứng với hành vi của ông D là chuyển đất trồng cây lâu năm và đất lúa sang đất làm trang trại - thuộc trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng phải

đăng ký biến động theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 5 Thông tư số 09/2021/TT- BTNMT. Hiện tại, ông D vẫn chưa thực hiện thủ tục đăng ký biến động theo quy định. Do đó, hành vi của ông D chỉ vi phạm theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP.

*Theo văn bản nêu ý kiến số 1757/UBND ngày 02/8/2023, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang trình bày:*

Ngày 17/5/2022, Công chức Địa chính - xây dựng - đô thị - môi trường thị trấn N đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính số: 02/BB-VPHC đối với ông Lê Văn D, ông D có hành vi vi phạm hành chính: Chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị; Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị. Tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính ông D không có mặt tại công trình vi phạm hành chính nhưng có 01 người chứng kiến ký tên vào biên bản vi phạm hành chính.

Ủy ban nhân dân thị trấn N niêm yết Biên bản vi phạm hành chính số 02 ngày 17/5/2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N.

Ngày 18/5/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N có Tờ trình số 15/TTr- UBND về việc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông D trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Do biên bản vi phạm hành chính số: 02/BB-VPHC ngày 17/5/2022 do Công chức ĐC-XD-ĐT-MT thị trấn Ngã Sáu lập tại các công trình không xác định rõ các vị trí xây dựng trên thửa đất 225, 226; vị trí đất ở chưa được xác định vị trí. Đồng thời, bản mô tả vị trí công trình ban hành kèm theo biên bản vi phạm hành chính nêu trên chưa xác định được vị trí cụ thể của công trình vi phạm (Vi phạm một phần diện tích thửa đất) chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP và chưa đủ điều kiện để áp dụng điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều 9; điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 11 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Văn bản số 1358/UBND ngày 17/6/2022 về việc xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính của ông Lê Văn D.

Ngày 17/6/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C biên bản xác minh tình tiết số: 04/BB-XM về việc xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính đối với ông Lê Văn D. Qua xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính đã khắc phục được những sai sót của biên bản vi phạm hành chính số: 02/BB-VPHC lập ngày 17/5/2022, đủ điều kiện để ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 17/6/2022, do ông Lê Văn D không đồng ý nhận biên bản. Do đó, lập biên bản về việc trao biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính và có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn N tiến hành niêm yết biên bản số: 04/BB- XM về việc xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính đối với ông D.

Ngày 17/6/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số: 1360/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối ông D có hành vi vi phạm hành chính: Chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị, diện tích: 230,22m<sup>2</sup> vi phạm tại điểm c khoản 3 và khoản 4 Điều 9 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP với số tiền phạt là 25.000.000 đồng; Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị, diện tích: 647,12m<sup>2</sup> vi phạm tại điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 11 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP số tiền phạt là 23.000.000 đồng. Tổng mức tiền phạt 48.000.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9; điểm a khoản 4 Điều 11 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP. Thời gian thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định.

Ngày 22/6/2022, Ủy ban nhân dân thị trấn N gửi Quyết định số 1360/QĐ-XPHC ngày 17/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C xử phạt vi phạm hành chính nêu trên qua đường bưu điện.

Thửa đất số 225, 226, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc tại ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang theo hồ sơ địa chính thuộc quyền sử dụng đất của ông Lê Văn D. Do đó, xác định đối tượng vi phạm hành chính là ông Lê Văn D có hành vi vi phạm hành chính là tự ý chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị và chuyển mục đích từ đất chuyên trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép là đúng.

Việc lập và giao biên bản vi phạm hành chính số: 02/BB-VPHC lập ngày 17/5/2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn N thực hiện đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 6 và Điều 12 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

Về việc ban hành và trao Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 1360/QĐ-XPHC ngày 17/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 67 và Điều 68, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

Từ những cơ sở nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G nguyên quan điểm tại Quyết định số: 1360/QĐ-XPHC ngày 17/6/2022 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Văn D.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 33/2023/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:*

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D về yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1360/QĐ-XPHC ngày 17/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/9/2023 người khởi kiện ông Lê Văn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Lê Văn D (có ông Trương Minh L là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D với các lý do: Bản án sơ thẩm nhận định căn cứ giải quyết vụ án là không khách quan, vì ông D chăn nuôi với quy mô hình thức là nông hộ nên không phải đăng ký kinh doanh. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng chính quyền địa phương giao biên bản nhưng ông D không nhận là không đúng. Những công trình nằm trong Quyết định xử phạt hành chính được xác định là vi phạm nên không thể lập quy hoạch bổ sung được. Những công trình ông D được bồi thường không nằm trong 9 công trình này. Ông D khởi kiện yêu cầu hủy quyết định xử phạt hành chính, để ông D làm đơn yêu cầu bồi thường những công trình này trên đất. Người bị kiện vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tại trang 2 của Bản án sơ thẩm thì đương sự viện dẫn thông tư 09/2021/TT-BTNMT, trong văn bản này có viện dẫn trường hợp chuyển mục đích đất nông nghiệp thì được phép trong 1 số trường hợp, nhưng phải đăng ký. Nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Quyết định số 1360/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông D là theo Nghị định 91/2019/NĐ-CP; Thông 09/2021/TT-BTNMT là văn bản dưới Nghị định nên phải áp dụng Nghị định. Ngoài ra, hành vi của ông D là vi phạm Điều 9, Điều 11 Nghị định 91/2019/NĐ-CP, và vì trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông D năm 1997 (BL 137) thì thửa 226 là đất lúa, thửa 225 là đất thổ. Phù hợp với lời khai ông D tại phiên tòa sơ thẩm. Hiện nay đương sự đã tự nguyện tháo dỡ, di dời tài sản trên đất. Việc xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định pháp luật, mục đích khởi kiện để bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất sau này. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt, đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2] Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC ngày 17/5/2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn N, ngày 17/6/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang có Quyết định số 1360/QĐ-XPHC xử phạt ông D về hành vi: Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị, tại thửa đất số 225, tờ bản đồ số 07; Chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị tại thửa đất số 226, tờ bản đồ số 07, cả 02 thửa đất tọa lạc tại ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Ông D cho rằng việc xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là không đúng, gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1360/QĐ-XPHC ngày 17/6/2022.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

[3.1] Quyết định số 1360/QĐ-XPHC ngày 17/6/2022 được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

[3.2] Ông Lê Văn D xây dựng các công trình trên đất Lúa và đất CLN tại thửa 225 và 226, cụ thể là xây dựng 09 công trình, thời điểm xây dựng một số công trình xây dựng năm 2018, còn lại xây dựng vào năm 2021.

Ngày 17/5/2022, Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C biên bản vi phạm hành chính đối với ông D do có hành vi chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị. Qua xác minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông D về hành vi chuyển đất nông nghiệp, cụ thể là đất Lúa và đất CLN sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị.

Xét thấy, ông D xây dựng các công trình trên đất nông nghiệp, theo hình ảnh người khởi kiện cung cấp (Từ BL-112 đến BL-135) thì các công trình này để phục vụ sản xuất nông nghiệp như nhà nuôi gà, nhà giữ vườn, nhà để vật tư nông nghiệp,... diện tích và quy mô lớn, nhưng không phải làm trang trại. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng mục đích nuôi chỉ để phục vụ cho gia đình, nếu có dư thì bán nhỏ lẻ lại cho những người dân xung quanh, không nhằm mục đích kinh doanh và không gắn với diện tích đất ở.

Căn cứ điểm k khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2013 quy định về phân loại đất thì các công trình của ông D xây dựng được quy định vào nhóm đất phi nông nghiệp. Do vậy, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 9, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ra quyết định xử phạt ông Lê Văn D về hành vi chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị là đúng đối tượng và đúng quy định.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu nên không có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định thêm: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng trình tự, thủ tục ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là không đúng quy định pháp luật, nhưng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản trao biên bản vi phạm hành chính số 02 (BL-79) thể hiện chính quyền địa phương có trao biên bản nhưng gia đình ông D từ chối nhận, biên bản xác minh số 04 (BL-92) ông D không đồng ý ký tên. Các công trình được miêu tả trong Biên bản số 02 là đúng với thực tế xây dựng của ông D. Tại Đơn yêu cầu về việc miễn giảm mức phạt vi phạm hành chính (BL 101) ông D thừa nhận hành vi, chỉ xin giảm bớt số tiền xử phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày lý do ông D khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1360/QĐ-XPHC là để được bồi thường khi thu hồi đất đối với công trình được nêu trong Quyết định số 1360/QĐ-XPHC, nên yêu cầu khởi kiện của ông D là không có căn cứ chấp nhận. Hơn nữa, nếu trong trường hợp lời trình bày của người khởi kiện về việc cho rằng Quyết định số 1360/QĐ-XPHC được ban hành không đúng trình tự, thủ tục là có căn cứ, thì cũng không ảnh hưởng đến việc xác định hành vi vi phạm của ông D theo nội dung Quyết định số 1360/QĐ-XPHC. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Văn D, sinh năm 1959 nên được miễn theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn D (có ông Trương Minh L là đại diện theo ủy quyền);

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 33/2023/HC-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang;

Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 10, điểm d khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 4 Điều 9, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D về yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1360/QĐ-XPHC ngày 17/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2/Ông Lê Văn D được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- NKK (1);
- NBK (1);
- Lưu (10) 17b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên**